

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **226** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xử lý nút
dọc mặt đê hữu sông Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện
Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh
tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015)**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khắc phục thiệt hại do mưa, lũ từ ngày 24 tháng 7 đến 06 tháng 8 năm 2015;

Theo nội dung Công văn số 10424/UBND-NN ngày 12/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các công trình đê điều bị hư hỏng do bão số 1 và mưa lũ từ ngày 24/7/2015 đến 04/8/2015 gây ra trên địa bàn tỉnh;

Theo nội dung Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương bổ sung xử lý khẩn cấp sự cố nút dọc mặt đê đoạn từ K46+600÷K48+200, đê hữu sông Chu, huyện Thiệu Hóa và đoạn từ K18+644÷K18+994, đê tả sông Chu, huyện Thọ Xuân;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3553/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 24/12/2015 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xử lý nút dọc mặt đê hữu sông Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xử lý nút dọc mặt đê hữu sông Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện

Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015), với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý nút dọc mặt đê hữu sông Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015).

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Mục tiêu đầu tư: Xử lý nút dọc mặt đê hữu sông Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015), nhanh chóng đưa công trình vào phục vụ công tác phòng chống lụt bão năm 2015 và các năm tiếp theo.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Khoan phụt, xử lý nút dọc mặt đê trong phạm vi từ K46+600÷K48+200, với tổng chiều dài cần xử lý $L = 532,8$ m; bao gồm các đoạn theo bảng sau:

STT	Đoạn xử lý	Các vết nứt xuất hiện trên mặt đê	Chiều dài xử lý dự kiến (m)
1	K46+700÷K46+800	Vết nứt số 1a	65
		Vết nứt số 1b	135
2	K47+245÷K47+280	Vết nứt số 2	35
3	K47+670÷K47+750	Vết nứt số 3a	20
		Vết nứt số 3b	102
		Vết nứt số 3c	46
4	K47+800÷K47+900	Vết nứt số 4a	20
		Vết nứt số 4b	26,5
5	K47+965÷K48+070	Đã xử lý tháng 11/2015	0
6	K48+160÷K48+200	Vết nứt số 5a	36,6
		Vết nứt số 5b	46,7
	Tổng cộng	10 vết nứt	532,8

- Các thông số thiết kế chính:

- + Cao trình đỉnh đê thiết kế: Theo cao trình hiện trạng;
- + Hệ số mái đê thiết kế: Phía sông $m_s = 2$; phía đồng $m_d = 3$;
- + Chiều rộng mặt đê: $B_m = 6$ m.

5. Giải pháp kỹ thuật:

- Phá dỡ phần bê tông gia cố mặt đê đã nứt gãy, sụt lún, chuyển ra bãi thải; đào nền mặt đê với chiều dày trung bình 55 cm; đào xử lý vết nứt theo tiết diện hình nêm với kích thước: đáy rộng $B_d = 0,5$ m, chiều sâu $H = 1,2$ m, hệ số mái đào $m = 0,5$; tận dụng đất đào đắp hoàn trả theo mặt cắt thiết kế đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

- Khoan phụt xử lý vết nứt: Dọc theo 2 bên vết nứt bố trí 2 hàng lỗ khoan xiên tạo với phương đứng một góc 10° và hướng vào vết nứt; miệng hố khoan gần nhất cách vết nứt tối thiểu từ $(0,3 \div 0,5)$ m; các hố bố trí so le về 2 phía vết nứt; khoảng cách các hố trong một hàng không lớn hơn 2 m; chiều sâu hố khoan (dự kiến) $L = 7$ m.

- Khoan phụt gia cố vết nứt: Dọc mép đê phía sông bố trí 2 hàng lỗ khoan đứng cách nhau 1 m; miệng hố khoan phía ngoài cách mép đê 0,5 m; các hố giữa 2 hàng bố trí so le; khoảng cách các hố trong một hàng cách nhau 2 m; chiều sâu hố khoan (dự kiến) $L = 7$ m.

- Mặt đê: Gia cố bằng bê tông thường M250 dày 25 cm, lót 1 lớp nilông tái sinh, móng bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm. Dọc tuyến cứ 5m cắt 1 khe lún ngang vuông góc với tim đê (tạo mạch bằng máy cắt) sâu 17 cm.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa.

7. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp I.

8. Dự toán và nguồn vốn:

- Dự toán: 4.053,5 triệu đồng (*Bốn tỷ, không trăm năm ba triệu, năm trăm ngàn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	3.330,5	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	72,4	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	364,6	triệu đồng;
- Chi phí khác:	93,0	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	193,0	triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả do mua, lũ từ ngày 24/7/2015 đến 04/8/2015 tại Quyết định số 1802/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức, quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo thực tế và

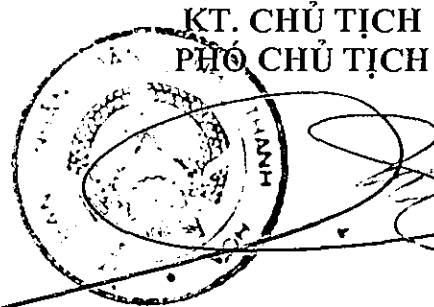
thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình được duyệt; thanh quyết toán công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Xử lý nút/độc/mất đường Chu đoạn từ K46+600÷K48+200, xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa (các đoạn bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12033/UBND-NN ngày 20/11/2015)

(Kèm theo Quyết định số: 126 /QĐ-UBND ngày 19 /01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		3.330,5
1	Xử lý nút	Chi tiết	1.912,944
2	Khoan phụt vữa thi công (KPTC)	Chi tiết	1.417,575
II	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	$2,391\% \times Gxd / 1,1$	72,4
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		364,6
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	Chi tiết	156,064
2	Chi phí khoan phụt vữa khảo sát	Chi tiết	16,454
3	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (TKP)	$3,4\% \times Gxd$	113,238
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,079\% \times Gxd$	62,947
5	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	$20\% \times Gqlđ \times 1,1$	15,927
IV	Chi phí khác		93,0
1	Chi phí thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	$0,121\% \times Gxd / 1,1$	3,664
2	Chi phí thẩm tra, thẩm định dự toán	$0,117\% \times Gxd / 1,1$	3,542
3	Chi phí bảo hiểm sản phẩm thiết kế	$5\% \times TKP$	5,662
4	Bảo hiểm công trình	$1,03\% \times Gxd$	34,304
5	Chi phí kiểm tra nghiệm thu khoan phụt vữa	$2\% \times KPTC$	28,352
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của cơ quan quản lý nhà nước	Chi tiết	2,800
7	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0,38\% \times TMĐT$	14,614
V	Chi phí dự phòng		193,0
	Dự phòng phát sinh khối lượng	$5\% \times (I+II+III+IV)$	193,025
	Tổng cộng		4.053,5